

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **39/2024/DS-ST**

Ngày: 12/9/2024

V/v “*Tranh chấp hợp đồng  
cầm cố tài sản*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Tấn Lợi

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Bùi Hữu Soi

Ông Lê Minh Hòa

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Vũ Đình Quang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:**  
Bà Võ Thị Trang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21/8/2024 và ngày 12/9/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 31/2024/TLST-DS ngày 26/4/2024, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2024/QĐXXST-DS ngày 22/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 84/2024/QĐST-DS ngày 21/8/2024, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Công ty Cổ phần S (Được đổi tên từ Công ty TNHH S1 theo Quyết định số 103/QĐ.HĐQT ngày 26/9/2023);

Địa chỉ trụ sở chính: Số A N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An;

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông SOMYOT NGERNDAMRONG, chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị và ông KANOKWATPAISAL NAPAT, chức danh: Giám đốc (Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp B do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh N cấp đăng ký lần đầu ngày 24/11/2015, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 11/10/2023);

*Người đại diện theo ủy quyền:* Chị Trần Thanh L, sinh năm 1990 - Chức vụ: Nhân viên Công ty Cổ phần S Có Ngay (Theo Giấy ủy quyền số 262/2023/UQ-SVN ngày 25/10/2023, có mặt);

Địa chỉ: Số C, đường H, Phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp; Địa chỉ liên hệ: Số C, đường C, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

**2. Bị đơn:** Nguyễn Thị Kiều E, sinh năm 2002 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Tô A, ấp C, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***- Theo Đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Công ty Cổ phần S Có Ngay có chị Trần Thanh L là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*** Ngày 24/6/2022, chị Nguyễn Thị Kiều E (Viết tắt là khách hàng) có cầm cố tài sản với Công ty TNHH S1 – Chi nhánh C (Viết tắt là Công ty) theo Hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe ký ngày 24/6/2022:

1. Tài sản cầm cố: 01 (Một) xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu HONDA, loại VISION, biển số xe 66K1-475.93, số khung: RLHJK0312MZ018973, số máy: JK03E5225045, giấy chứng nhận đăng ký số 66 002059 do Công an huyện T cấp ngày 30/3/2021 (Viết tắt là xe mô tô biển số 66K1-475.93).

2. Hợp đồng cầm cố có nội dung như sau:

2.1. Số tiền cầm cố, thời hạn và mục đích cầm cố

- Số tiền cầm cố: 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng).

- Thời hạn cầm cố: 18 tháng.

- Mục đích cầm cố: Phục vụ tiêu dùng cá nhân và kinh doanh.

- Ngày giải ngân: 24/6/2022.

2.2. Lãi suất cầm cố và các khoản phí được hai bên thỏa thuận:

- Lãi suất cầm cố: 1.1%/tháng.

- Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn.

- Phí quản lý hồ sơ: 0.5%/tháng.

- Phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn tài sản: 378.000 đồng.

- Phí phạt vi phạm kỳ hạn trả nợ trên dư nợ thực tế chưa đến hạn.

3. Hợp đồng giấy mượn xe có nội dung như sau:

Do nhu cầu đi lại, phục vụ công việc, ngày 24/6/2022, chị Nguyễn Thị Kiều E đã có đơn gửi Công ty TNHH S1 – Chi nhánh C 1 xin mượn lại chiếc xe để phục vụ đi lại và cam kết theo nội dung giấy mượn xe. Thời hạn mượn xe là 01 tháng từ ngày 24/6/2022 đến ngày 24/7/2022.

Công ty đã đồng ý cho khách hàng mượn tài sản nêu trên theo nguyện vọng và khách hàng cam kết thực hiện đúng nội dung đã ký cam kết trên hợp đồng và giấy mượn xe, giấy tờ khác liên quan. Chị Kiều E có cam kết rõ ràng trong giấy mượn xe: “Hoàn trả lại tài sản mượn đúng thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận theo yêu cầu từ Công ty”.

Kể từ ngày ký hợp đồng cầm cố Công ty TNHH S1 đã giải ngân cho khách hàng số tiền 18.000.000 đồng theo đề nghị cầm cố và hợp đồng cầm cố số HNM220601011NA21X ký ngày 24/6/2022 (Viết tắt là hợp đồng cầm cố ngày 24/6/2022). Chị Nguyễn Thị Kiều E chỉ thanh toán cho Công ty theo hợp đồng số

tiền là 11.671.000 đồng, trong đó tiền gốc 6.002.250 đồng, lãi 1.614.910 đồng, phí quản lý 819.846 đồng, phí hao mòn 3.233.995 đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng cầm cố chị Nguyễn Thị Kiều E đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng theo cam kết trong hợp đồng cầm cố, giấy mượn xe, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của Công ty. Công ty đã nhiều lần làm việc và gửi thông báo nhắc nhở tạo điều kiện cho chị Kiều E có thời gian thu xếp trả nợ nhưng chị Kiều E vẫn không thực hiện.

Nay, Công ty Cổ phần S Có Ngay yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc chị Nguyễn Thị Kiều E phải thanh toán cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền tạm tính đến ngày 16/9/2023 là 17.678.834 đồng, bao gồm tiền gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí quản lý hồ sơ, phí bảo dưỡng và hao mòn khi mượn xe theo thỏa thuận. Ngoài ra, chị Kiều E còn phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe kể từ ngày 16/9/2023 cho đến khi thanh toán xong nợ.

- Trường hợp chị Nguyễn Thị Kiều E không thực hiện hoặc không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Công ty có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ cho Công ty.

- Buộc chị Nguyễn Thị Kiều E chịu mọi chi phí tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên hòa giải ngày 22/7/2024 và tại phiên tòa, chị Trần Thanh L là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty Cổ phần S Có Ngay có đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc chị Nguyễn Thị Kiều E phải thanh toán cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền tạm tính đến ngày 12/9/2024 là 14.791.226đ (Mười bốn triệu bảy trăm chín mươi một nghìn hai trăm hai mươi sáu đồng). Trong đó: Tiền gốc 11.997.750 đồng, tiền lãi trong hạn 1.064.600 đồng, tiền lãi quá hạn 1.728.876 đồng. Ngoài ra, chị Kiều E còn phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký kể từ ngày 13/9/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ.

- **Bị đơn chị Nguyễn Thị Kiều E:** Đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng, triệu tập họp lệ tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và các phiên tòa xét xử nhưng vắng mặt không lý do, không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- **Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:**

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và văn bản pháp luật có liên quan về thụ lý vụ án, xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ; việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, các thủ tục tố tụng khác và về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố

tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 309, 310 và Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần S (Được đổi tên từ Công ty TNHH S1).

Buộc chị Nguyễn Thị Kiều E phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền tạm tính đến ngày 12/9/2024 là 14.791.226đ (Mười bốn triệu bảy trăm chín mươi một nghìn hai trăm hai mươi sáu đồng). Trong đó: Tiền gốc 11.997.750 đồng, tiền lãi trong hạn 1.064.600 đồng, tiền lãi quá hạn 1.728.876 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo 13/9/2024 cho đến khi thi hành án xong, chị Kiều E còn phải tiếp tục trả lãi trên số tiền gốc còn thiếu theo lãi suất thoả thuận trong hợp đồng cầm cố số: HNM220601011NA21X ngày 24/6/2022 cho đến khi thanh toán xong nợ.

- Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn Công ty Cổ phần S (Được đổi tên từ Công ty TNHH S1) về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị Kiều E phải giao lại tài sản bảo đảm là xe mô tô biển số 66K1-475.93 cho nguyên đơn theo hợp đồng cầm cố ngày 24/6/2022, kèm giấy mượn xe đã ký với Công ty và số tiền phí quản lý hồ sơ và hao mòn tài sản.

*(Kèm theo Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm số: 43/PB-VKS-DS ngày 12 tháng 9 năm 2024).*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn Công ty Cổ phần S Có Ngay khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn chị Nguyễn Thị Kiều E phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền còn nợ theo hợp đồng cầm cố ngày 24/6/2022 đã ký kết giữa các bên. Căn cứ Điều 309 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án này là “*Tranh chấp về hợp đồng cầm cố tài sản*”.

[1.2] Về thẩm quyền: Căn cứ điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

[1.3] Về chấp hành pháp luật của đương sự: Chị Nguyễn Thị Kiều E đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham dự phiên tòa xét xử đến lần thứ hai nhưng chị Kiều E vẫn vắng mặt không có lý do và không có người đại diện tham gia phiên tòa, đồng thời cũng không có yêu cầu phản tố hay các yêu cầu gì khác trong vụ án này. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị Kiều E theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ngày 24/6/2022 Công ty TNHH S1 (Nay là Công ty Cổ phần S Có Ngay) và chị Nguyễn Thị Kiều E ký kết Hợp đồng cầm cố số HNM220601011NA21X, theo đó Kiều E cầm cố tài sản là xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu HONDA, loại VISION, biển số xe 66K1-475.93, số khung: RLHJK0312MZ018973, số máy: JK03E5225045, giấy chứng nhận đăng ký số 002059 do Công an huyện T cấp ngày 30/3/2021, để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ đối với số tiền cầm cố 18.000.000 đồng; Thời hạn cầm cố là 18 tháng, kể từ ngày 24/6/2022 đến ngày 24/12/2023; Lãi suất là 1,1%/ tháng, lãi quá hạn 150% lãi suất trong hạn, phí bảo quản hồ sơ là 0.5%/tháng, phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn tài sản là 378.000 đồng. Do vi phạm nghĩa vụ thanh toán nguyên đơn Công ty Cổ phần S Có Ngay yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn chị Nguyễn Thị Kiều E phải thanh toán cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền tạm tính đến ngày 12/9/2024 là 14.791.226 đồng. Trong đó: Tiền gốc 11.997.750 đồng, tiền lãi trong hạn 1.064.600 đồng, tiền lãi quá hạn 1.728.876 đồng. Ngoài ra, chị Kiều E còn phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký kể từ ngày 13/9/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Xét, tính hợp pháp của hợp đồng cầm cố: Xét thấy, tại thời điểm giao dịch các bên có đầy đủ năng lực pháp luật, năng lực hành vi dân sự, các bên giao kết hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Căn cứ Điều 117 Bộ luật Dân sự hợp đồng cầm cố đảm bảo điều kiện có hiệu lực của hợp đồng và căn cứ Điều 309, 310 Bộ luật Dân sự thì hợp đồng cầm cố có hiệu lực từ thời điểm giao kết. Như vậy, hợp đồng cầm cố đang tranh chấp giữa các đương sự là hợp pháp và có hiệu lực từ thời điểm ký kết ngày 24/6/2022.

[2.2] Xét, quá trình thực hiện hợp đồng cầm cố và việc giao nhận tiền: Ngày 24/6/2024 Công ty có giải ngân cho chị Kiều E nhận số tiền 18.000.000 đồng. Kể từ ngày ký hợp đồng cầm cố, chị Kiều E chỉ thanh toán cho Công ty theo hợp đồng số tiền là 11.671.000 đồng, trong đó tiền gốc 6.002.250 đồng, lãi 1.614.910 đồng, phí 4.651.358 đồng, phí quản lý 819.846 đồng, phí hao mòn 3.233.995 đồng. Kể từ ngày 25/4/2023 chị Kiều E đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền còn lại và cũng không trả lại xe máy cầm cố cho Công ty như đã thỏa thuận là đã vi phạm nghĩa vụ, nên việc Công ty khởi kiện yêu cầu chị Kiều E phải có trách nhiệm trả

số tiền còn nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn tạm tính đến ngày 12/9/2024 tổng cộng 14.791.226 đồng là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng, triệu tập họp lệ, thông báo công khai tài liệu, chứng cứ và đã thông báo cho chị Nguyễn Thị Kiều E cung cấp tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện nêu trên của nguyên đơn cũng như văn bản trình bày ý kiến. Nhưng, chị Kiều E không có văn bản trình bày ý kiến phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy, căn cứ Điều 72, 91 Bộ luật Tố tụng dân sự thì chị Kiều E đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình, từ bỏ quyền chứng minh và không phản đối những tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp cho Tòa án.

[2.3] Xét, yêu cầu về tính tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn: Căn cứ Hợp đồng cầm cố ngày 24/6/2022, lãi suất hai bên thoả thuận trong hạn cố định là 1,1%/tháng, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, đây là sự tự nguyện thoả thuận giữa các bên và không trái với quy định pháp luật nên việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo Hợp đồng cầm cố là có căn cứ phù hợp nên chấp nhận. Tạm tính đến ngày 12/9/2024: Tiền gốc 11.997.750 đồng, tiền lãi trong hạn 1.064.600 đồng, tiền lãi quá hạn 1.728.876 đồng. Tổng cộng 14.791.226 đồng (Mười bốn triệu bảy trăm chín mươi một nghìn hai trăm hai mươi sáu đồng).

[2.4] Xét, yêu cầu tiếp tục tính lãi: Nguyên đơn yêu cầu chị Kiều E phải có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi với lãi suất theo Hợp đồng cầm cố đã ký kể từ ngày 13/9/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ. Xét thấy, yêu cầu tiếp tục tính lãi của nguyên đơn là phù hợp với Hợp đồng cầm cố ký ngày 24/6/2022 và không trái pháp luật, nên chấp nhận.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị Nguyễn Thị Kiều E phải có nghĩa vụ trả cho Công ty số tiền 14.791.226 đồng (Trong đó: Tiền gốc 11.997.750 đồng, tiền lãi trong hạn 1.064.600 đồng, tiền lãi quá hạn 1.728.876 đồng) và buộc chị Kiều E phải có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi với lãi suất theo Hợp đồng cầm cố ngày 24/6/2022 kể từ ngày 13/9/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ.

[4] Tại phiên hòa giải ngày 24/7/2024, người đại diện theo ủy quyền của Công ty có đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện và tại phiên tòa xin rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu trả lại tài sản cầm cố là xe mô tô biển số 66K1-475.93, và phí quản lý hồ sơ, phí bảo dưỡng và hao mòn khi mượn xe theo thỏa thuận. Xét thấy, việc nguyên đơn thay đổi và rút một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ yêu cầu này.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định. Nguyên đơn được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Đối với quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy là có cơ sở, nên được xem xét chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 117, 280, 309, 310 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1, 2 Điều 37 và các Điều 72, 91, 147, 227, 228, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần S (Được đổi tên từ Công ty TNHH S1).

Buộc chị Nguyễn Thị Kiều E có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền tạm tính đến ngày 12/9/2024 là 14.791.226đ (Mười bốn triệu bảy trăm chín mươi một nghìn hai trăm hai mươi sáu đồng). Trong đó: Tiền gốc 11.997.750 đồng, tiền lãi trong hạn 1.064.600 đồng, tiền lãi quá hạn 1.728.876 đồng.

Kể từ ngày 13/9/2024 cho đến khi thi hành án xong, chị Nguyễn Thị Kiều E còn phải tiếp tục trả lãi trên số tiền gốc còn nợ theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng cầm cố số HNM220601011NA21X được ký giữa các bên ngày 24/6/2022 cho đến khi thanh toán xong nợ.

**2.** Đình chỉ yêu cầu của Công ty Cổ phần S Có Ngay đối với yêu cầu trả lại tài sản cầm cố là xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu HONDA, loại VISION, biển số xe 66K1-475.93, số khung: RLHJK0312MZ018973, số máy: JK03E5225045, giấy chứng nhận đăng ký số 002059 do Công an huyện T cấp ngày 30/3/2021 và phí quản lý hồ sơ, phí bảo dưỡng và hao mòn khi mượn xe theo thỏa thuận.

**3.** Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Công ty Cổ phần S Có Ngay không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền tạm ứng án phí đã nộp 442.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002812 ngày 10/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- Chị Nguyễn Thị Kiều E phải chịu 740.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

**4.** Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND Tỉnh;
- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Tân Hồng;
- TAND huyện Tân Hồng;
- TAND cấp cao tại TP HCM;
- Đương sự;
- Lưu: TDS, HSVA <sup>(Quang)</sup>.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký tên và đóng dấu)*

**Ngô Tấn Lợi**